

# VỀ CÁC GIẢI PHÁP NGĂN CHẶN SUY GIẢM TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ

GS.TS. Nguyễn Kế Tuấn

Đại học Kinh tế Quốc dân

Vào những tháng cuối năm 2008, khi lạm phát về cơ bản đã được kiểm chế, đất nước lại phải đương đầu với tình trạng suy giảm tăng trưởng kinh tế. Trước tình hình này, Chính phủ đã xác định phần đầu ngăn chặn suy giảm kinh tế, duy trì tăng trưởng và bảo đảm an sinh xã hội là nhiệm vụ trọng tâm cấp bách trong chỉ đạo điều hành vĩ mô năm 2009. Chính phủ cũng đã đề ra 5 nhóm giải pháp lớn để tập trung chỉ đạo. Việc chuyển ưu tiên từ kiểm chế lạm phát sang ngăn chặn suy giảm kinh tế thể hiện sự năng động và nhạy bén trong chỉ đạo điều hành kinh tế vĩ mô. Song đây là nhiệm vụ hết sức phức tạp vì nguồn lực của Việt Nam còn rất hạn chế trong khi khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế thế giới diễn ra ngày càng gay gắt hơn.

Bài viết này xin nêu một số ý kiến nhằm góp phần thực hiện có hiệu quả các nhóm giải pháp ngăn chặn suy giảm kinh tế ở Việt Nam.

## Suy giảm tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam: những nguyên nhân cơ bản

Nhìn nhận một cách tổng quát, suy giảm tăng trưởng kinh tế xảy ra khi nền kinh tế vẫn duy trì được mức tăng trưởng dương nhưng tốc độ tăng trưởng có xu hướng ngày càng chậm lại. Trong khi đó, suy thoái kinh tế lại được hiểu là nền kinh tế tăng trưởng âm liên tục trong khoảng thời gian nhất định. Suy giảm kinh tế kéo dài tất yếu sẽ dẫn đến suy thoái kinh tế. Tuy khác nhau về mức độ, nhưng cả suy giảm tăng trưởng kinh tế và suy thoái kinh tế đều thể hiện ở sự đình đốn sản xuất và tiêu thụ của các doanh nghiệp, sức mua của thị trường giảm sút, khả năng tạo việc làm mới bị thu hẹp, nạn thất nghiệp gia tăng.

Việt Nam đang phải đối mặt với tình trạng suy giảm tăng trưởng kinh tế. Tốc độ tăng trưởng kinh tế năm 2008 chậm hơn hẳn so với các năm trước. Trong năm 2008, tốc độ tăng trưởng các tháng cuối năm có xu hướng giảm dần. Tốc độ tăng trưởng của công nghiệp, vốn được coi là đầu tàu và động lực tăng trưởng của toàn bộ nền kinh tế, cũng giảm sút so với các năm trước. Nhiều doanh nghiệp, kể cả doanh nghiệp có vốn đầu tư nước

ngoài, phải thu hẹp sản xuất do gặp khó khăn trong tiêu thụ sản phẩm. Lao động mất việc làm ngày càng tăng, đời sống người lao động ngày càng khó khăn...

Việc xác định các nguyên nhân đích thực của tình trạng này sẽ cho phép đưa ra được những biện pháp hữu hiệu để ngăn chặn tình trạng suy giảm tăng trưởng kinh tế và, xa hơn, ngăn chặn tình trạng suy thoái kinh tế.

Nguyên nhân khách quan của suy giảm tăng trưởng kinh tế trong nước là tình hình kinh tế thế giới có những biến động theo chiều hướng ngày càng xấu đi. Tuy quy mô nền kinh tế còn nhỏ bé, Việt Nam mới đang trong quá trình hội nhập ngày càng sâu rộng hơn vào đời sống kinh tế quốc tế, nhưng với độ mở cao, kim ngạch xuất khẩu bằng 70% tổng sản phẩm quốc nội, hàng chục triệu người trong hầu hết các ngành kinh tế, từ công nghiệp, đến nông nghiệp và dịch vụ, tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp vào quá trình xuất khẩu, cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu và tình trạng suy thoái kinh tế ở những nước vốn là thị trường xuất khẩu chủ yếu của Việt Nam đã có những tác động tiêu cực trực tiếp và ngày càng mạnh đến sản xuất trong nước.

Nguyên nhân chủ quan thuộc về những yếu tố nội tại của kinh tế trong nước. Nguyên nhân này không phải chỉ ở tình trạng lạm phát cao và tạo nên mặt bằng giá mới cao hơn hẳn trước đây, làm cho sức mua thực tế của đồng tiền và nhu cầu có khả năng thanh toán của người tiêu dùng giảm sút (các nguyên nhân trực tiếp), mà còn ở sự yếu kém nội tại của nền kinh tế và yếu kém trong chỉ đạo điều hành kinh tế vĩ mô của Nhà nước (nguyên nhân sâu xa). Đến lượt mình, sự yếu kém nội tại của nền kinh tế chủ yếu lại bắt nguồn từ chính những khiếm khuyết trong chỉ đạo điều hành vĩ mô của Nhà nước.

Từ những nguyên nhân khách quan và chủ quan được nêu khái quát trên đây cho thấy: ngăn chặn đà suy giảm kinh tế được coi là nhiệm vụ cấp thiết phải tập trung giải quyết, nhưng nếu thiếu sự thận trọng trong việc đưa ra những giải pháp thích ứng, không những không thực hiện được mục tiêu này mà còn có thể gây ra những ảnh hưởng tiêu cực với sự tăng trưởng bền vững trong dài hạn.

### Các biện pháp: tính đồng bộ và trọng điểm

Trước những diễn biến mới của tình hình, để thực hiện có

hiệu quả các mục tiêu và nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội do Quốc hội đề ra cho năm 2009, Chính phủ đã xác định nhiệm vụ trọng tâm cấp bách là *"Phát huy sức mạnh tổng hợp, nỗ lực phấn đấu ngăn chặn suy giảm tăng trưởng kinh tế, duy trì tăng trưởng và bảo đảm an sinh xã hội"*. Để thực hiện nhiệm vụ này, Chính phủ đề ra 5 nhóm giải pháp là: 1/ Tháo gỡ khó khăn để đẩy mạnh sản xuất kinh doanh và xuất khẩu; 2/ Huy động các nguồn lực để kích cầu đầu tư và tiêu dùng; 3/ Bảo đảm an sinh xã hội và đẩy mạnh xóa đói, giảm nghèo; 4/ Thực hiện chính sách tiền tệ và chính sách tài chính tích cực, hiệu quả; 5/ Tập trung điều hành quyết liệt, linh hoạt và phù hợp với thực tế tình hình<sup>1</sup>. Các nhóm giải pháp này được đánh giá là toàn diện và sát thực với điều kiện cụ thể của Việt Nam.

Để triển khai thực hiện có hiệu quả các nhóm giải pháp này, cần chú trọng tháo gỡ hai khó khăn cản trở với việc đưa chính sách vào cuộc sống:

- Mỗi nhóm giải pháp trong 5 nhóm giải pháp được Chính phủ đưa ra bao gồm nhiều giải pháp cụ thể. Triển khai thực hiện các nhóm giải pháp này cũng đồng thời là quá trình cụ thể hóa nội dung của mỗi giải pháp. Điều này đòi hỏi không ít thời gian, trong khi đó với cơ chế hành chính và năng lực của các cơ quan quản lý nhà nước hiện nay, điều này chắc chắn sẽ không thể giải quyết được kịp thời các vấn đề "nước sôi, lửa bỏng" trong thực tế. Trong điều kiện đó, sự cân nhắc lựa chọn một số giải pháp được coi là then chốt, trọng yếu và cấp thiết nhất để tập trung sức lực và trí tuệ giải quyết được coi là cần thiết.

- Tất cả các giải pháp chính sách từ khi được ban hành và triển khai trong thực tế đến khi phát huy tác dụng đều có "độ trễ" nhất định. Điều này cũng có nghĩa những vấn đề cấp thiết phát sinh trong thực tế không sớm đạt được kỳ vọng mong muốn. Một lần nữa có thể thấy cơ chế hành chính và

năng lực của các cơ quan quản lý nhà nước đang là trở lực lớn trong việc thúc đẩy tiến trình phát triển của đất nước. Trong điều kiện hiện nay, việc sử dụng một số mệnh lệnh hành chính là biện pháp bắt buộc phải làm. Song biện pháp hành chính nào cũng phù hợp với yêu cầu của các quy luật khách quan chứ không thể tùy tiện được.

Đó chính là hai cản trở lớn với việc triển khai thực hiện các nhóm giải pháp ngăn chặn suy giảm tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam.

Trong 5 nhóm giải pháp của Chính phủ, có thể coi nhóm giải pháp thứ tư nằm trong các nhóm giải pháp thứ nhất và thứ hai, nhóm giải pháp thứ năm bao trùm cả bốn nhóm giải pháp trên. Theo đó, khi "tập trung điều hành quyết liệt, linh hoạt và phù hợp với thực tế tình hình", cần đặc biệt chú ý xử lý mối quan hệ giữa "việc tháo gỡ khó khăn để đẩy mạnh sản xuất kinh doanh và xuất khẩu" với "việc huy động các nguồn lực để kích cầu đầu tư và tiêu dùng" và "đảm bảo an sinh xã hội và đẩy mạnh xóa đói giảm nghèo".

Trong phần lớn thời gian của năm 2008, tiếp cận nguồn vốn tín dụng để duy trì sản xuất kinh doanh được coi là một trong những khó khăn hàng đầu của các doanh nghiệp Việt Nam. Nhưng trong bối cảnh suy giảm tăng trưởng kinh tế trong nước và suy thoái kinh tế toàn cầu, khó khăn về thị trường tiêu thụ lại là khó khăn phổ biến của các doanh nghiệp. Lúc này, *giải quyết khó khăn về thị trường tiêu thụ phải được coi là nhiệm vụ trọng tâm* mà bản thân các doanh nghiệp phải phát huy cao nhất sự nỗ lực để tháo gỡ với những chính sách hỗ trợ thích ứng của Nhà nước.

Thị trường nội địa với trên 86 triệu dân và thu nhập bình quân đầu người khoảng 17 triệu đồng/năm thường được coi là "thị trường tiềm năng lớn" của các doanh nghiệp. Song khi đánh giá "tiềm năng" này phải tính đến 70% dân cư

sống ở nông thôn, nơi thu nhập và sức tiêu thụ còn hết sức thấp kém, tỷ lệ nghèo theo chuẩn hiện hành của Việt Nam vẫn còn ở mức trên 13%<sup>2</sup>, số người lao động bị mất việc làm có xu hướng gia tăng, những người đến độ tuổi lao động đang hết sức khó khăn trong việc tìm kiếm việc làm. Hơn nữa, con số thu nhập bình quân 17 triệu đồng/người không phải bao giờ cũng phản ánh chính xác sức mua của người dân. Muo sinh với mức sống giản đơn và đạm bạc vẫn là mối lo thường nhật của phần lớn các gia đình ở Việt Nam. Với điều kiện đó, "tiềm năng" về thị trường hàng tiêu dùng không phải lớn như nhiều người tính toán. Để biến "tiềm năng" này thành hiện thực, việc bảo đảm sức mua của dân cư được coi là điều kiện tiên quyết. Do vậy, "kích cầu tiêu dùng hàng hóa thông thường" phải gắn với các đối tượng mà hiện tại khả năng thanh toán của họ còn hạn hẹp.

Cũng có thể lập luận rằng, việc tập trung tháo gỡ những khó khăn, duy trì và thúc đẩy kinh doanh của các doanh nghiệp là cách thức chủ động và tích cực để ngăn chặn đà suy giảm tăng trưởng kinh tế. Độ cũng là cách thức tích cực để bảo đảm việc làm cho người lao động và tạo thêm được việc làm mới, tạo thu nhập cho người lao động. Đến lượt mình, những điều đó lại có tác động tích cực đến tăng sức mua của dân cư trên thị trường hàng tiêu dùng nội địa. Nếu xét trong trung hạn và dài hạn, lập luận này sẽ được coi là hợp lý. Tuy nhiên, vẫn xét trong điều kiện thực tế Việt Nam hiện nay trong đánh giá "tiềm năng thị trường hàng tiêu dùng nội địa" như trên đã trình bày, các giải pháp chính sách của Nhà nước chủ yếu hướng vào hỗ trợ thiết thực các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp nhỏ và vừa, các hộ sản xuất kinh doanh, nơi tạo ra nhiều việc làm và cũng là khu vực đang gặp khó khăn hơn cả, chưa hẳn đã có thể giải quyết được một cách trực tiếp

khó khăn trong tiêu thụ hàng hóa của các doanh nghiệp. Hỗ trợ các doanh nghiệp tháo gỡ khó khăn trong sản xuất kinh doanh được coi là một trong những biểu hiện của "kích cung" hàng hóa cho thị trường. Sự "kích cung" ấy chỉ thực sự mang lại hiệu quả khi có được sự tương thích với "cầu hàng hóa được kích thích".

Từ những phân tích nêu trên, vấn đề lớn đặt ra là để ngăn chặn đà suy giảm tăng trưởng kinh tế, rất cần phải cân nhắc kỹ lưỡng và thận trọng mức độ "kích cầu" và "kích cung". Trong ngắn hạn, "kích cầu tiêu dùng" được coi là điều kiện tiên quyết. Và, trong điều kiện cụ thể của Việt Nam hiện nay, *xác định đối tượng "kích cầu tiêu dùng" phải được thực hiện trong sự gắn bó chặt chẽ với chính sách bảo đảm an sinh xã hội và xóa đói, giảm nghèo.*

Về nguyên tắc, toàn bộ các tầng lớp dân cư là đối tượng thụ hưởng an sinh xã hội, nhưng trong đó trọng tâm là những người yếu thế, rủi ro hay chịu thiệt thòi... luôn phải được xếp vào các nhóm đối tượng ưu tiên. Không chỉ trong điều kiện lam phát, mà cả trong điều kiện suy giảm kinh tế, việc quan tâm bảo đảm an sinh xã hội cho những đối tượng này vừa góp phần bảo đảm ổn định về mặt xã hội, mà còn góp phần "kích cầu tiêu dùng", tạo lập thị trường nội địa rộng lớn hơn và vững chắc hơn cho phát triển sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp. Cần tập trung trí tuệ và nguồn lực tài chính để thực hiện các chủ trương của Chính phủ về "Tăng cường dự trữ quốc gia, nhất là về lương thực để triển khai thực hiện các chính sách an sinh xã hội đã ban hành; thực hiện tăng mức lương cơ bản cho người lao động trong doanh nghiệp và cán bộ công chức; tiếp tục hỗ trợ lương thực, khôi phục nhanh cơ sở hạ tầng kinh tế xã hội, hỗ trợ và tạo điều kiện để ổn định đời sống nhân dân vùng bị ảnh hưởng của thiên tai, dịch bệnh; triển khai ngay từ đầu năm 2009 các giải

pháp đầu tư để giảm nghèo nhanh ở 61 huyện hiện có tỷ lệ nghèo cao nhất; triển khai bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của Luật Bảo hiểm thất nghiệp; nghiên cứu cân đối ngân sách để có thể trợ cấp trực tiếp cho người nghèo. Đặc biệt quan tâm bảo đảm y tế, giáo dục, nhất là đối tượng chính sách và các khu vực còn nhiều khó khăn. Triển khai có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia nhằm hạn chế tối đa thiệt hại do biến đổi khí hậu gây ra"<sup>3</sup>.

Khi thực hiện chủ trương "kích cầu tiêu dùng" và bảo đảm an sinh xã hội cần đặc biệt quan tâm đến tầng lớp *nông dân và khu vực nông thôn*. Với một nền kinh tế còn mang đậm nét tinh chất của nền kinh tế nông nghiệp, nông dân, nông nghiệp và nông thôn giữ vị trí trọng yếu trong tiến trình phát triển kinh tế-xã hội của đất nước. Với tình trạng suy giảm tăng trưởng kinh tế và những hậu quả nặng nề của thiên tai, dịch bệnh, cuộc sống của nông dân càng khó khăn hơn. Nông thôn cũng là địa bàn chiếm tới 80% dân số, thị trường rộng lớn tiêu thụ hàng hóa, là nơi cung cấp hàng hóa thiết yếu cho xã hội, cung cấp nhân lực cho các ngành kinh tế khác. Việc giành ưu tiên cho đối tượng dân cư nông thôn không chỉ có ý nghĩa kinh tế, mà còn có ý nghĩa chính trị xã hội sâu sắc.

#### VỀ "KÍCH CẦU ĐẦU TƯ"

Về lý thuyết, tăng đầu tư không chỉ làm tăng khối lượng sản xuất của các ngành kinh tế, còn là nguồn tiêu thụ sản phẩm của các ngành khác, qua đó kích thích sản xuất, thúc đẩy tăng trưởng, tạo thêm nhiều việc làm và tăng thu nhập cho người lao động. Song trên thực tế, quản lý đầu tư ở Việt Nam, đặc biệt là đầu tư từ nguồn vốn ngân sách và đầu tư của các doanh nghiệp nhà nước lại đang là vấn đề nóng với quá nhiều khiếm khuyết kéo dài từ nhiều năm nay. Năm 2008, khi nền kinh tế gặp nhiều khó khăn, đầu tư vẫn tăng và chiếm tỷ trọng tới

43,1%/GDP, đi liền với nó là suất đầu tư tăng trưởng (ICOR) cũng tăng cao. Tình hình này chưa có dấu hiệu được cải thiện đầu rằng đã được cảnh báo từ lâu và cũng có không ít những cam kết từ phía các cơ quan quản lý nhà nước.

Trong điều kiện này, rất cần phải cân nhắc thận trọng việc "kích cầu đầu tư" theo hướng tập trung nguồn vốn đầu tư từ ngân sách, vốn trái phiếu chính phủ, vốn ODA và vốn tín dụng hỗ trợ đầu tư phát triển để đầu tư vào các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế-xã hội, xây dựng 10.000 căn hộ cho thuê giành cho người có thu nhập thấp... Xét trong trung hạn và dài hạn, việc tăng cường đầu tư từ ngân sách nhà nước vào các công trình hạ tầng kinh tế-xã hội và nâng cao hiệu quả quản lý sử dụng nguồn vốn đầu tư này là cần thiết và hợp lý. Song trong ngắn hạn, với mục tiêu ưu tiên là ngăn chặn tình trạng suy giảm tăng trưởng kinh tế, thì lại đòi hỏi phải chú trọng một số điểm cơ bản sau đây:

- Khắc phục tình trạng đầu tư dàn trải, tập trung đầu tư vào đối tượng có khả năng bảo đảm việc làm cho người lao động hoặc tạo ra nhiều việc làm mới, có khả năng lan toả nhanh lối kéo và thúc đẩy phát triển các ngành và các lĩnh vực khác.

- Bảo đảm yếu tố thời gian, có tác động nhanh và trực tiếp đến mục tiêu ưu tiên là ngăn chặn suy giảm tăng trưởng kinh tế. Theo đó, các dự án phát triển hạ tầng kinh tế-xã hội được đánh giá có hiệu quả, có thể hoàn thành và phát huy tác dụng trong thời gian ngắn còn lại của năm 2009 hoặc 2010 cần được ưu tiên bố trí tăng vốn đầu tư và tập trung nhân lực.

- Gắn chặt việc thực hiện kích cầu đầu tư với thực hiện cải cách hành chính, xử lý kịp thời những vướng mắc về thủ tục đầu tư, đấu thầu, cấp vốn, giải phóng mặt bằng... để triển khai nhanh và có hiệu quả các công trình dự án được lựa chọn ưu tiên.

(Xem tiếp trang 45)

sản xuất kinh doanh hướng vào xuất khẩu. Đặc biệt là các biện pháp hỗ trợ doanh nghiệp về lãi suất vay vốn, quỹ trợ cấp mất việc làm để tránh sa thải hàng loạt người lao động và giải quyết chế độ hợp lý cho người lao động.

- Mở rộng thị trường xuất khẩu lao động và thực hiện các chương trình xuất khẩu lao động cho hộ gia đình nghèo và bộ phận người lao động bị sa thải trên thị trường lao động do khủng hoảng kinh tế thế giới.

- Tiếp tục nghiên cứu cải thiện môi trường đầu tư để thu hút vốn đầu tư nước ngoài và thu hút vốn xã hội cho phát triển sản xuất kinh doanh. Trong đó, có các nội dung như chính sách thuế đối với các doanh nghiệp trong thời kỳ khó khăn khủng hoảng kinh tế thế giới, cải cách thủ tục hành chính mạnh mẽ, đẩy nhanh tốc độ phát triển hạ tầng cơ sở kỹ thuật và xã hội.

- Triển khai thực hiện hiệu quả bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội nhằm đảm bảo an sinh xã hội cho người lao động trong điều kiện khủng hoảng kinh tế thế giới.

- Hỗ trợ người lao động trong đào tạo lại nghề nghiệp, cho vay vốn ưu đãi để giải quyết việc làm, trợ giúp tìm việc làm để họ có thể hoà nhập trở lại thị trường lao động hoặc tự tạo việc làm.

- Tăng cường thanh tra, kiểm tra thực hiện Bộ Luật Lao động, đảm bảo các chế độ cho người lao động, tránh trường hợp chủ sử dụng lao động lợi dụng sa thải người lao động trái pháp luật.

- Có cơ chế theo dõi, cảnh báo về tác động của khủng hoảng kinh tế thế giới đối với sản xuất kinh doanh, thị trường lao động để thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực, nhằm đảm bảo cho nền kinh tế phát triển với tốc độ cao và có tính bền vững.

*b). Các chính sách của doanh nghiệp:*

- Tăng cường đối thoại xã hội để đại diện của người lao động và người sử dụng lao động có tiếng nói chung, tìm ra các giải pháp thích hợp trong xử lý các tình huống do tác động của khủng hoảng kinh tế thế giới.

- Tổ chức lại lao động theo

hướng linh hoạt hoá, như giảm giờ làm việc để chia sẻ công việc cho nhiều người trong thời gian khó khăn, tạo điều kiện cho người lao động mua cổ phần...

- Hỗ trợ người lao động đào tạo nâng cao chuyên môn kỹ thuật để thích nghi với đổi mới công nghệ và điều chuyển công việc trong điều kiện khủng hoảng kinh tế thế giới.

- Thực hiện đóng bảo hiểm thất nghiệp đầy đủ để tạo điều kiện cho người lao động có được chế độ thất nghiệp khi bị sa thải trong bối cảnh khủng hoảng kinh tế thế giới.

**Tài liệu tham khảo:**

1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư, dự báo tăng trưởng kinh tế Việt Nam trong bối cảnh xu thế phát triển của kinh tế thế giới đến năm 2020.
2. PGS.TS Trần Đình Thiên, Khủng hoảng kinh tế toàn cầu tác động đến Việt Nam và các giải pháp ứng phó.
3. Trang tin điện tử của Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Tổng cục Thống kê, Ngân hàng Nhà nước, Bộ Tài chính, Thời báo Kinh tế...
4. Niên giám thống kê 2007, TCTK

(Tiếp theo trang 40)

## VỀ CÁC GIẢI PHÁP NGĂN CHẶN...

- Tăng cường giám sát quá trình quản lý sử dụng vốn đầu tư trong khuôn khổ nguồn vốn kích cầu đầu tư và tăng cường trách nhiệm của chủ đầu tư, của người quyết định đầu tư trong việc bảo đảm tiến độ và chất lượng các công trình, dự án.

- Thực hiện kích cầu đầu tư trong mối quan hệ với việc góp phần ổn định kinh tế vĩ mô, trong đó đặc biệt là phòng ngừa nguy cơ lạm phát quay trở lại, bội chi ngân sách và làm trầm trọng thêm tình trạng nhập siêu.

- Các giải pháp ngăn chặn suy giảm tăng trưởng kinh tế, trong đó có "kích cầu đầu tư" không được mâu thuẫn với các mục tiêu dài hạn, mà phải tạo ra cơ sở, tiền đề cho việc khai

thác tiềm năng tăng trưởng, nâng cao chất lượng và hiệu quả tăng trưởng, bảo đảm phát triển nhanh và bền vững trong những năm sau.

1. Nguyễn Tấn Dũng: "Nỗ lực ngăn chặn suy giảm kinh tế, bảo đảm an sinh xã hội" (www.VietnamNet.vn, ngày 2/1/2009).

2. Theo chuẩn này, thu nhập bình quân đầu người hộ nông thôn dưới 260.000 đồng/tháng (3.120.000 đồng/năm), hộ thành thị dưới 300.000 đồng/tháng (3.600.000 đồng/năm) được coi là hộ nghèo.

3. Nguyễn Tấn Dũng: "Nỗ lực ngăn chặn suy giảm kinh tế, bảo đảm an sinh xã hội" (www.VietnamNet.vn, ngày 2/1/2009).

**Tài liệu tham khảo:**

1. Nghị quyết số 23/2008/QH12 ngày 6/11/2008 của Quốc hội khóa XII.
2. Báo cáo của Chính phủ tại kỳ họp thứ tư Quốc hội khóa XII về "Tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2008 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2009".
3. Nguyễn Tấn Dũng: "Nỗ lực ngăn chặn suy giảm kinh tế, bảo đảm an sinh xã hội" (www.VietnamNet.vn, ngày 2/1/2009).
4. Báo cáo tổng hợp đề tài "Kinh tế Việt Nam năm 2008 – Điều hành kinh tế vĩ mô hướng tới yêu cầu vượt ngưỡng nước nghèo và nâng cao chất lượng cuộc sống", mã số B2008.06.92.